

Cao Bằng, ngày 27 tháng 5 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Phần A.III, IV. Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Ngày thi: 10/5/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	37	La Thị Mây	7,00	Bảy
2	La Thị Biếc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Lục Thị Chinh	8,00	Tám	39	Lương Văn Ngư	7,50	Bảy phẩy năm
4	Hoàng Văn Cương	6,75	Sáu phẩy bảy năm	40	Thang Thị Nguyệt	8,00	Tám
5	Hoàng Văn Dự	6,25	Sáu phẩy hai năm	41	Trần Đức Nhâm	7,00	Bảy
6	Hoàng Thị Duyên	6,50	Sáu phẩy năm	42	Hoàng Thị Nhung	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	La Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nông Thị Nhung	6,25	Sáu phẩy hai năm
8	La Thị Duyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	44	Ngân Thị Nương	6,75	Sáu phẩy bảy năm
9	Nông Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Ngô Thị Phương	6,75	Sáu phẩy bảy năm
10	Lương Thị Gấm	7,00	Bảy	46	Đàm Văn Quang	6,75	Sáu phẩy bảy năm
11	Nông Thị Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	47	Mông Đình Quế	6,50	Sáu phẩy năm
12	Nông Thị Hành	6,25	Sáu phẩy hai năm	48	Chu Thị Quý	6,50	Sáu phẩy năm
13	Lương Thị Hạnh	8,00	Tám	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bế Thị Hào	6,25	Sáu phẩy hai năm	50	Lãnh Thị Minh Tâm	8,00	Tám
15	Dương Thị Hào	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	52	Nông Thị Thắm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Ngân Thị Hòa	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Bế Thị Thê	7,50	Bảy phẩy năm
18	Lương Thị Hợp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	54	Hứa Văn Thiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm
19	Hoàng Văn Huân	6,75	Sáu phẩy bảy năm	55	Lục Văn Thiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm
20	Đàm Thị Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Hoàng Văn Thóm	6,50	Sáu phẩy năm
21	Hoàng Kim Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	57	Lục Thị Thu	6,25	Sáu phẩy hai năm
22	Nông Thị Hường	8,00	Tám	58	Nông Văn Thượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Hứa Quốc Huy	7,00	Bảy	59	Hứa Thị Thúy	7,75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
24	Hoàng Bích Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	60	Nông Ngọc Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
26	Hà Phúc Khải	7,00	Bảy	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Hoàng Thị Khâm	6,75	Sáu phẩy bảy năm	63	Luong Thị Tiên	7,25	Bảy phẩy hai năm
28	Nông Đức Khánh	7,00	Bảy	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
29	La Đức Kiêm	6,75	Sáu phẩy bảy năm	65	Triệu Thị Tồn	7,00	Bảy
30	Hoàng Thị Kỳ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Hoàng Minh Trọng	7,00	Bảy
31	Sầm Thị Lanh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	67	Hoàng Đức Trung	6,75	Sáu phẩy bảy năm
32	Đinh Thị Liên	7,00	Bảy	68	Đàm Thị Tuyến	6,75	Sáu phẩy bảy năm
33	Nông Thị Liễu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Vi Thị Viện	6,75	Sáu phẩy bảy năm
34	Nông Thị Luyến	8,00	Tám	70	Hoàng Thị Yên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
35	Nông Thị Ly	6,50	Sáu phẩy năm	71	Ngôn Hải Yến	8,00	Tám
36	Nông Thị Mận	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Lý Thị Hoài	8,00	Tám

Điểm 6,25: 05 điểm; Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 6,75: 16 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,50: 06 điểm; Điểm 7,75: 09 điểm; Điểm 8,00: 12 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

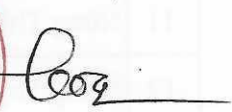
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng



Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa